**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

CỦA

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ**

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO BIÊN BẢN ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

NGÀY THÁNG NĂM 2008

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ này của Công ty cổ phần Điện Cơ (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của một Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và Luật Chứng khoán được thông qua ngày 29/06/2006. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của cổ đông và Hội đồng Quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với pháp luật liên quan sẽ là những qui tắc và qui định ràng buộc để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Điều lệ của Công ty được thông qua bởi cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 06 tháng 08 năm 1999, sửa đổi bổ sung lần thứ nhất vào ngày 05 tháng 04 năm 2002 và lần thứ hai vào ngày 07 tháng 01 năm 2008.

**I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Định nghĩa**

1. Từ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
2. “Hội đồng” có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.
3. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
4. “Vốn điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại điều 9 của điều lệ này.
5. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
6. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
7. “Luật” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp quy khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm.
8. “Người quản lý” là Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) điều hành, Kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng Quản trị chỉ định làm người quản lý của Công ty.
9. “Người có liên quan” là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4 khoản 17 của Luật Doanh nghiệp.
10. “Thời hạn hoạt động” là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
11. “Cổ đông” là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
12. “Đại hội cổ đông” là cuộc họp của các cổ đông trong Công ty. Đại hội được tổ chức hàng năm định kỳ hoặc bất thường.
13. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
14. Trong điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chung.
15. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của điều lệ này.
16. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong điều lệ này.

**II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên hợp pháp của Công ty:
* Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN CƠ
* Tên giao dịch của quốc tế: **ELECTRO-MECHANICAL CORPORATION**
* Tên viết tắt: EMEC
1. Công ty là một công ty cổ phần có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân độc lập của một công ty cổ phần phù hợp với pháp luật Việt Nam.
2. Trụ sở đăng ký của Công ty là:
* Địa chỉ: Số 06, Đường 3/2, Phường 15, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
* Điện thoại: 08.38651598
* Fax: 08.38647429
* E-mail: dienco@emec.vn
* Website:www.emec.vn

Việc dời trụ sở của Công ty trong phạm vi Tp.Hồ Chí Minh phải được Hội đồng Quản trị Công ty quyết định và cơ quan có thẩm quyền cho phép. Nếu dời trụ sở ra ngoài Tp.Hồ Chí Minh phải Đại hội đồng cổ đông quyết định, nơi sở tại chấp thuận và cho đăng ký theo luật định.

1. Người đại diện pháp luật của Công ty: Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành sẽ là đại diện hợp pháp của Công ty.
2. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
3. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo điều 53 của điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 99 năm kể từ ngày thành lập.

**Điều 3. Tư cách pháp lý**

1. Công ty cổ phần Điện Cơ là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp dưới hình thức Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.
2. Công ty cổ phần Điện Cơ là một công ty cổ phần trong đó có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau – gọi là cổ phần – do các cổ đông đóng góp đầy đủ, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi phần vốn của mình đã góp vào Công ty bằng giá trị cổ phần mình sở hữu.
3. Công ty cổ phần Điện Cơ là một tổ chức kinh tế độc lập:
4. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo luật định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
5. Có con dấu riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo luật định.
6. Có tài sản riêng – có bản cân đối kế toán riêng – tự chủ về tài chính, hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả mọi hoạt động kinh doanh và được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại hội cổ đông.
7. Có quyền tự quyết một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty, có quyền tự mình tham gia các quan hệ pháp luật.

**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG**

**CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Công ty cổ phần Điện Cơ được thành lập nhằm:
2. Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các sáng lập viên, của các cổ đông và để tối đa hóa lợi nhuận của Công ty, nhằm gia tăng lợi tức cho các cổ đông và tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
3. Thông qua quá trình hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp điện và các lĩnh vực khác công ty góp phần đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển địa phương, đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước.
4. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
* Sản xuất, kinh doanh các loại trụ điện.
* Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bê tông như trụ, cống, cọc, ….
* Sản xuất và sửa chữa máy biến thế.
* Sản xuất, kinh doanh các thiết bị điện, phụ kiện điện lưới điện.
* Sản xuất, kinh doanh dây cáp điện, hộp nhựa, composite các loại.
* Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
* Thi công các công trình điện lên đến 110kV.
* Tư vấn quản lý dự án, thiết kế và giám sát các công trình điện lên đến 110kV.
* Xuất nhập khẩu và kinh doanh cung ứng vật tư thiết bị điện.
* Kinh doanh bất động sản, nhà cao tầng, chung cư, căn hộ, trung tâm thương mại, nhà xưởng, cho thuê văn phòng, kho bãi.
* Đầu tư, kinh doanh tài chính.
* Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 5. Thời gian hoạt động và phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 99 năm (kể từ ngày ghi trong quyết định chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền). Việc chấm dứt trước thời hạn hoặc gia hạn thời gian hoạt động của Công ty phải do Đại hội cổ đông quyết định và được tiến hành đúng thủ tục theo Luật Doanh nghiệp quy định.
2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ này. Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
3. Công ty có thể tiến hành bất kỳ hình thức kinh doanh nào khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng Quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

**Điều 6. Nguyên tắc tổ chức hoạt động và quản trị, điều hành của Công ty**

* Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện – bình đẳng – dân chủ và tuân thủ theo pháp luật.
* Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội cổ đông.
* Đại hội cổ đông bầu Hội đồng Quản trị để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
* Điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.

**VI. QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY**

**Điều 7. Quyền hạn Công ty**

Công ty cổ phần Điện Cơ có các quyền cơ bản theo luật định sau:

1. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
2. Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
4. Lựa chọn hình thức, cách thức huy động vốn. Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
5. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu.
6. Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.
7. Tự chủ kinh doanh, tự chủ áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.
8. Từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.
9. Yêu cầu nhà nước thực hiện các bảo đảm công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp – bảo đảm tài sản của doanh nghiệp không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.
10. Các quyền khác do pháp luật quy định.

**Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng các ngành, nghề đã đăng ký.
2. Lập sổ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác.
3. Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký.
5. Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.
6. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
7. Tuân thủ pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.
8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

**Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.**

1. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.
2. Vốn điều lệ của Công ty là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ Công ty.

Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng (mười ngàn đồng), số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

1. Công ty chỉ có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, do Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty có quyền xác lập và phát hành cổ phần – ưu đãi không có quyền biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác được pháp luật quy định phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Sau khi đăng ký kinh doanh và chào bán cổ phần lần đầu, mọi cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện hữu, theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên số cổ phần mà họ đang nắm giữ. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 21 ngày) để chấp thuận việc đặt mua. Mọi cổ phần nào không đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi các cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần đã được bán qua Sở giao dịch (Trung tâm giao dịch) chứng khoán.
4. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) bằng bất cứ cách thức nào mà Luật Doanh nghiệp cho phép và nếu phù hợp, trong phạm vi tất cả các thẩm quyền mà Đại hội cổ đông đã cho phép như đã quy định trong điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Bất kỳ cổ phần nào được Công ty mua lại đều được giữ lại làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội cổ đông cho phép và phù hợp với quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
5. Công ty có thể phát hành trái phiếu có bảo đảm và không bảo đảm, khi có phê chuẩn của Đại hội cổ đông, có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu cho phép người nắm giữ trái phiếu được mua cổ phần phù hợp với quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**Điều 10. Tăng giảm vốn cổ phần.**

1. Vốn điều lệ Công ty có thể điều chỉnh theo sát tình hình từng thời kì hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Mọi trường hợp tăng hay giảm vốn điều lệ phải do Đại hội cổ đông quyết định. Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Tăng vốn: khi có nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty có thể tăng vốn theo các phương thức sau:
	1. Tái đầu tư một phần hay toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối.
	2. Chuyển các quỹ dự trữ - quỹ tích lũy thành vốn điều lệ.
	3. Gọi thêm vốn cổ phần bằng cách phát hành thêm cổ phiếu mới.

 Việc phát hành cổ phiếu mới để mở rộng sản xuất kinh doanh phải được sự chấp thuận của các cổ đông đại diện 51% vốn cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội tán thành. Khi phát hành cổ phiếu mới thì các cổ đông hiện tại và các CB-NV hiện tại của Công ty (danh sách do Hội đồng Quản trị quyết định) có quyền ưu tiên mua trước và phải đóng đủ tiền đăng ký mua – quyền ưu tiên này chỉ giới hạn trong một tháng.

1. Giảm vốn: Công ty có thể giảm vốn trong các trường hợp sau đây:
2. Do số vốn quá dư, Công ty trả bớt vốn cho các cổ đông.
3. Do thua lỗ, vốn bị giảm nên Công ty phải giảm vốn xuống vừa đủ để cân bằng với tài sản hiện có của Công ty.

Công ty có thể giảm vốn theo các phương thức sau đây:

1. Thu hồi một phần cổ phiếu đang lưu hành theo một tỷ lệ tương ứng giảm vốn.
2. Phát hành cổ phiếu mới và thu hồi cổ phiếu cũ. Mỗi cổ đông được quyền đổi cổ phiếu mới theo một tỷ lệ tương ứng giảm vốn.

**Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu hợp pháp**

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu hợp pháp nhất định, trừ trường hợp quy định trong điều lệ này.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh cho các cổ phần ghi danh sẽ được phát hành có đóng dấu Công ty và chữ ký của đại diện hợp pháp của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này sẽ nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan với số tiền đã thanh toán và tên người nắm giữ cùng các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.
3. Theo các quy định của điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng 02 tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) chuyển nhượng.
4. Trường hợp chỉ có một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu được chuyển nhượng thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp. Chi phí cấp chứng chỉ mới sẽ do Hội đồng Quản trị ấn định tùy theo từng thời điểm.
5. Nếu chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy thì một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện là phải gửi cho Công ty chứng chỉ cũ hoặc (nếu chứng chỉ cũ bị mất, mất cắp hoặc bị hủy hoại) thì phải tuân thủ các điều kiện để chứng minh và bồi thường và (trong trường hợp khác) thanh toán các chi phí của Công ty theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong bất kỳ trường hợp nào mà những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu hoặc trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến các chứng chỉ có quy định khác, sẽ được phát hành có dấu hoặc theo cách khác mà Hội đồng Quản trị (căn cứ vào các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của Sở giao dịch hay Trung tâm giao dịch Chứng khoán Việt Nam) quy định. Hội đồng Quản trị có thể ra nghị quyết quy định, hoặc áp dụng cho tất cả các trường hợp hoặc trong từng trường hợp đặc biệt, rằng chữ ký trên các chứng chỉ đó không cần phải là chữ ký bằng tay mà có thể được đóng rập bằng một số phương tiện máy móc hoặc có thể in sẵn hoặc các chứng chỉ đó không cần bất kỳ ai ký vào.
8. Tuân theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch và Trung tâm giao dịch chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không) được chuyển nhượng mà không cần phải có văn bản chuyển nhượng dưới dạng giấy tờ hoặc lập ra chứng chỉ và Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm có thể ban hành các văn bản dưới luật quy định các vấn đề về phát hành và chuyển nhượng nêu trên, theo đó các quy định này sẽ (trong phạm vi mà chúng điều chỉnh) thay thế cho các quy định tương ứng trong điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

**Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông**

* 1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.
	2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
		1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
		2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
		3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
		4. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
		5. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
	3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
	4. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

**Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần**

* Tất cả các cổ phần điều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi điều lệ này và luật pháp có quy định khác.
* Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch hoặc Trung Tâm giao dịch chứng khoán.
* Trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Cổ phiếu đã niêm yết phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định và quy chế của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng và (trường hợp cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ) bởi hoặc thay mặt bên chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp nếu diễn ra đại hội cổ đông trong thời gian đó thì bên nhận chuyển nhượng có quyền tham gia thay cho bên chuyển nhượng đối với các cổ phần được chuyển nhượng như quy định trong Luật Doanh nghiệp.
* Hội đồng Quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.
* Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thi hành di chúc hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ là người hoặc những người duy nhất được luật pháp thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, những quy định này không có nghĩa giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.
* Cổ phiếu của các thành viên Hội đồng Quản trị hay Ban kiểm soát của Công ty không được chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm và 2 năm kể từ ngày thôi giữ chức danh trên.
* Cổ phiếu của cổ đông Nhà nước có thể được chuyển nhượng để chỉ còn nắm giữ tối thiểu là 20% vốn điều lệ (theo quyết định số 88/1998/QĐ/BCN ngày 31/12/1998 của Bộ Công Nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Xí nghiệp Điện Cơ). Quy định tại điều khoản trên chỉ chi phối số cổ phiếu chiếm 20% vốn điều lệ của cổ đông Nhà nước nếu có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị hay Ban kiểm soát của Công ty.
* Cổ phiếu do Nhà nước bán với giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp thành Công ty cổ phần được chuyển nhượng hoặc thừa kế và các quyền khác theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và điều lệ này.
* Cổ phiếu do Nhà nước bán với giá ưu đãi theo phương thức trả dần cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp không được chuyển nhượng khi chưa trả hết nợ cho Nhà nước. Cổ phiếu này chỉ được tự do chuyển đổi sau khi đã thanh toán hết số tiền được mua chịu.
* Cổ phiếu của mỗi cổ đông được mang ra thế chấp, cầm cố để vay mượn tài sản của Công ty.

**Điều 14. Thừa kế cổ phần**

1. Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật dân sự Việt Nam quy định.
2. Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
3. Người thừa kế duy nhất theo luật định.
4. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
5. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế được đăng kí làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.
6. Trường hợp thừa kế số cổ phần mà cổ đông được mua ưu đãi trả tiền dần thì người được thừa kế phải chịu trách nhiệm thừa kế cả nghĩa vụ trả dần cho Nhà nước. Nếu người sở hữu số cổ phần mua ưu đãi trả dần khi qua đời không có người thừa kế thì Công ty cổ phần thu hồi và hoàn trả cho Nhà nước.
7. Cổ phiếu của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát cũng được tự do thừa kế nhưng người thụ nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phiếu, không thể đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

**Điều 15. Thu hồi cổ phần.**

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả thì Hội đồng Quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh của Công ty do việc không thanh toán này.
2. Thông báo nêu trên sẽ phải đưa ra một thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo) cùng địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ phải bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của bất kỳ một thông báo nào nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng Quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phầnbị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại điều lệ này.
4. Một cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng nắm giữ cổ phần đó hoặc trong bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp. Nếu cần, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
5. Một cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan tới cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp phải thanh toán cho Công ty cộng với lãi theo tỷ lệ (không quá 9% một năm) theo quyết định của Hội đồng Quản trị kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi một cổ phần đã được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**Điều 16. Chào bán cổ phần.**

1. Khi hội đủ các điều kiện theo luật định, căn cứ theo quyết định của Đại hội cổ đông, công ty sẽ làm thủ tục xin cơ quan có thẩm quyền cho phép phát hành cổ phiếu nhằm huy động vốn cho công ty. Việc phát hành cổ phiếu mới phải thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và được Đại hội cổ đông quyết định.
2. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
3. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
4. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
5. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu phải được sự chấp thuận của Đại hội cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;
6. Cổ phần chào bán cho các đối tác chiến lược, ban điều hành công ty.
7. Cổ phần đã được bán hoặc đã chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin qui định vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hoặc chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty. Sau khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần, Công ty cấp đủ cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông.
8. Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo qui định của pháp luật về chứng khoán.

**VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Điều 17. Qui định chung về cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty có thể là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự - sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty – và có đủ điều kiện góp vốn đầu tư vào Công ty theo luật định. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty luôn có tối thiểu 03 cổ đông.
2. Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ bởi luật pháp hiện hành.
3. Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
4. Cổ đông sáng lập là những cổ đông tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.
5. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:
6. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân:
* Đối với phần vốn Nhà nước tại Công ty: người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân này là người được Bộ, ủy ban nhân dân, Tổng Công ty, doanh nghiệp nhà nước đề cử làm đại diện phần vốn nhà nước tại công ty;
* Đối với doanh nghiệp nhà nước không có Hội đồng Quản trị, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài: người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhận là Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành của doanh nghiệp;
* Đối với doanh nghiệp nhà nước có Hội đồng Quản trị, công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp liên doanh: người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân là chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc trưởng Ban Quản trị;
* Đối với các pháp nhân khác: người đại diện cổ đông này tại Công ty là người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó.
1. Người đại diện nêu tại các điểm trên đây có thể ủy quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được ủy quyền làm đại diện cho pháp nhân tại công ty không được ủy quyền cho người khác.
2. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại công ty cổ phần.
3. Việc thực hiện ủy quyền như trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gởi Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần.
4. Các cổ đông có thể tự nhóm lại đề cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông bằng văn bản.

Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ, thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng Quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân được chia tách, giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển cho pháp nhân hoặc cá nhân khác.

**Điều 18. Quyền hạn của cổ đông Công ty**

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
3. Tham dự và phát biểu trong các đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền;
4. Nhận cổ tức;
5. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của điều lệ này và luật pháp;
6. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới được chào bán theo tỉ lệ do Đại hội cổ đông quyết định dựa trên tổng số cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
7. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào đại hội cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
8. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty (tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi;
9. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp;
10. Các quyền khác theo quy định của điều lệ này và pháp luật.
11. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có thêm các quyền sau:
12. Đề cử các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các điều 27.2 và 39.2 tương ứng;
13. Yêu cầu triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường khi cần xem xét và giải quyết những vấn đề mà Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành vi phạm điều lệ hoặc không thực hiện đúng theo các nghị quyết của đại hộiđồng cổ đông. Khi có dấu hiệu bất thường về hoạt động tài chính, có dấu hiệu thất bại trong kinh doanh, hay gây thiệt hại cho Công ty …;
14. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại đại hội cổ đông;
15. Quyền được thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động mọi mặt của Công ty. Được quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh có liên quan đến điều lệ cổ đông (trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Thủ thuật tiếp thị, cách lựa chọn đối tác, phương pháp tác nghiệp kinh doanh …).

**Điều 19. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các Cổ đông**

1. Cổ đông có trách nhiệm thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phần và phải mua hết số cổ phần đã cam kết mua, tuân thủ các quy định của điều lệ này về việc góp vốn.
2. Chịu trách nhiệm về số lỗ của công ty tương ứng với số cổ phần sở hữu và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vị số vốn đã góp vào công ty.
3. Tuân thủ điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của công ty.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đại hội cổ đông và của Hội đồng Quản trị.
5. Giám sát và đóng góp ý kiến về hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành.
6. Cổ đông tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về nguồn gốc vốn góp.
7. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của công ty.
8. Sự vỡ nợ hay can án của cổ đông không làm ành hưởng đến hoạt động của công ty nhưng phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với công ty.

**Điều 20. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
	1. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
	2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
	3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
	4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
	5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
	6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
	7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
	8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
	9. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
	10. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 21. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng Quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

* 1. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
	2. Báo cáo tài chính hàng năm;
	3. Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
	4. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành;
	5. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
	6. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
	7. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
1. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
	1. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
	2. Số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
	3. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp;
	4. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
	5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, thì Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.
3. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:
	1. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
	2. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
	3. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
	4. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
	5. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên;
	6. Xác định thời gian và địa điểm họp;
	7. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
	8. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

**Điều 22. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

* + 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.
		2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
		3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

**Điều 23. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
	1. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
	2. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
	3. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 24. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
	1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
	2. Phiếu biểu quyết;
	3. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời hợp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

**Điều 25. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
	1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
	2. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
	3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
	4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

**Điều 26. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp.

**Điều 27. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

* + 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;
		2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
	1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
	2. Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
	3. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
	4. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
		1. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
		2. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;
		3. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;
		4. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
		5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:
	5. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
	6. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
		1. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
	7. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
	8. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
	9. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

* + 1. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

**Điều 28. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

* + 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
		2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
	1. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
	2. Định hướng phát triển công ty;
	3. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
	4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
	5. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
	6. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
	7. Tổ chức lại, giải thể công ty.

**Điều 29. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:
	1. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
	2. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
	3. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
	4. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
	5. Tổ chức lại, giải thể công ty;
	6. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.
5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

**Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng Quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
	1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
	2. Mục đích lấy ý kiến;
	3. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
	4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
	5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
	6. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
	7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
	1. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
	2. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

1. Hội đồng Quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

* 1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
	2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
	3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
	4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
	5. Các vấn đề đã được thông qua;
	6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

1. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;
2. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
3. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 31. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
	1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
	2. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
	3. Chương trình và nội dung cuộc họp;
	4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
	5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
	6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
	7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
	8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
	9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

1. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
2. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

**Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

* + 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật doanh nghiệp;
		2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

**Điều 33. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

* + 1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
		2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
		3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 34. Hội đồng Quản trị**

* + 1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
		2. Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
	1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
	2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
	3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
	4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
	5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;
	6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
	7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
	8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp;
	9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng Quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
	10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
	11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
	12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
	13. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
	14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
	15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;
	16. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
		1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết.
		2. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

**Điều 35. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Hội đồng Quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng Quản trị.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng Quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Trường hợp công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ “thành viên độc lập” trước họ, tên của thành viên Hội đồng Quản trị tương ứng.
5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng Quản trị.

**Điều 36. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị**

* + 1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
	1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
	2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
	3. Thành viên Hội đồng Quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác.
	4. Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng Quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
		1. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:
	5. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
	6. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
	7. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
	8. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
	9. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
		1. Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải thông báo với Hội đồng Quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng Quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng Quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng Quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị có liên quan.

**Điều 37. Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

* + 1. Hội đồng Quản trị bầu một thành viên của Hội đồng Quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.
		2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành.
		3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
	1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
	2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng Quản trị;
	3. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
	4. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
	5. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng Quản trị;
	6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
		1. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số.
		2. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
	7. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
	8. Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
	9. Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
	10. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
	11. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
	12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
		1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

**Điều 38. Cuộc họp Hội đồng Quản trị**

* + 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
		2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng Quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.
		3. Cuộc họp của Hội đồng Quản trị do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
		4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
	1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
	2. Có đề nghị của Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
	3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị;
	4. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
	5. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.
		1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
		2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại công ty.

* + 1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

* + 1. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
		2. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
	1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
	2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
	3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
	4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

* + 1. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.

**Điều 39. Biên bản họp Hội đồng Quản trị**

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
	1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
	2. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
	3. Thời gian, địa điểm họp;
	4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
	5. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
	6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
	7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
	8. Các vấn đề đã được thông qua;
	9. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

1. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

**Điều 40. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành, Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc) điều hành, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

**Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
	1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
	2. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
	3. Có đơn từ chức;
	4. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
	1. Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
	2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật doanh nghiệp.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH, NHỮNG NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY**

**Điều 42. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành**

* + 1. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành.
		2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật doanh nghiệp.

* + 1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
	1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng Quản trị;
	2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
	3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
	4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
	5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
	6. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành;
	7. Tuyển dụng lao động;
	8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
	9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị.
		1. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

**Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành**

* + 1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị, trả lương cho Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
		2. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành được trả theo quy định sau đây:
	1. Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
	2. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
	3. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành do Hội đồng Quản trị quyết định.
		1. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và tiền lương của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

* + 1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;
		2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
	1. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
	2. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
		1. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;
		2. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
	3. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
	4. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
	5. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
	6. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.
		1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

**Điều 45. Trách nhiệm của người quản lý công ty**

* + 1. Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và một số Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) điều hành, một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và các Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) điều hành có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.
		2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
	1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
	2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
	3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
	4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.
	5. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành sẽ phải do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng của những người quản lý khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành.
		1. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

**Điều 46. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành.**

1. Bổ nhiệm

Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành phải được báo cáo cho Đại hội cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

1. Nhiệm kỳ

Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành là 05 năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, và người đã bị phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

1. Quyền hạn và nhiệm vụ

Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông thông qua;
2. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có quyết nghị của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị về số lượng người quản lý mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiểm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý tốt nhất cũng như các cơ cấu do Hội đồng Quản trị đề xuất và tư vấn cho Hội đồng Quản trị để quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của người quản lý;
4. Tham khảo ý kiến của Hội động Quản trị để quyết định số lượng người làm công, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
5. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 năm
6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
7. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty ( sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng Quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
9. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của điều lệ này và các quy chế của Công ty.

Tổng Giám đốc (Giám đốc) ban hành và thực hiện các quy chế quy định mối quan hệ giữa các bộ phận trong Công ty:

* Quy chế quy định mối quan hệ giữa Công ty – các Chi nhánh, Công ty mẹ - Công ty con
* Quy chế quy định mức trả lương, trả thưởng, kỷ luật – khen thưởng đối với người lao động tại Công ty;
* Quy chế quy định về việc bảo mật thông tin của Công ty;
* Quy chế về mức hoa hồng, môi giới thương mại dựa theo quy định của luật hiện hành.
1. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu
2. Bãi nhiệm. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành trong trường hợp này) và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành mới thay thế. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội cổ đông tiếp theo.

**Điều 47. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành**

* 1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành trong các trường hợp sau đây:
	2. Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp;
	3. Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
	4. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
	5. Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
	6. Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
	7. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
	8. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

**Điều 48. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận**

* + 1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
	1. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
	2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc ) điều hành và người có liên quan;
	3. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.
		1. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
		2. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
		3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 49. Thư ký Công ty**

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm một Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không được phép gây ra bất cứ một khiếu kiện nào do vi phạm hợp đồng lao động giữa Thư ký và Công ty. Có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng Thư ký Công ty. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và trách nhiệm của Thư ký công ty bao gồm:

1. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
2. Làm biên bản các cuộc họp;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

**IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ**

**Điều 50. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý**

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý được ủy thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

**Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý không được phép lợi dụng những cơ hội kinh doanh mà Công ty có thể sử dụng vì lợi ích Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, người quản lý và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội cổ đông có quyết định khác.
4. Theo điều 120 của Luật Doanh nghiệp, một số hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty và một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, người quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hay bất kỳ Công ty, đối tác, hiệp hội, tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hay chỉ vì thành viên Hội đồng Quản trị đó hoặc người quản lý đó có mặt tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng Quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hay giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
5. Đối với hợp đồng có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản ghi sổ của Công ty trở xuống, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị hoăc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng Quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.
6. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng tài sản ghi sổ của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;
7. Theo quan điểm của một nhà tư vấn độc lập đủ tiêu chuẩn, hợp đồng hoặc giao dịch đó là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương tiện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
8. Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

**Điều 52. Trách nhiệm và bồi thường**

1. Trách nhiệm.

 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

1. Bồi thường.

Công ty sẽ phải bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hình sự, hành chính hay điều tra (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty), người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát triển hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**X. BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 53. Ban kiểm soát.**

* 1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
	2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
	3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

**Điều 54. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

* + 1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
	1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
	2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác;
	3. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
	4. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
		1. Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

**Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
7. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
8. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.
9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng Quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của công ty.
11. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 56. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát**

* 1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
	2. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị.
	3. Báo cáo của Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị.
	4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.
	5. Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

**Điều 57. Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên**

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

* + 1. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
		2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
		3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

**Điều 58. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

* + 1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
		2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
		3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
		4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
		5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.
		6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng Quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 59. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

* + 1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
	1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;
	2. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
	3. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
	4. Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
		1. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
	5. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
	6. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
	7. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 60. Trình báo cáo hàng năm**

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:
	1. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
	2. Báo cáo tài chính;
	3. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.
2. Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng Quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

**Điều 61. Công khai thông tin công ty cổ phần**

* + 1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.
		2. Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây:
	1. Điều lệ công ty;
	2. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty;
	3. Báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
	4. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.
		1. Công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.
		2. Công ty cổ phần đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty cổ phần mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố, công khai thông tin theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật doanh nghiệp.

**XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

**Điều 62. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Mọi cổ đông hoặc nhóm cổ đông đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của vổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành và người quản lý có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, Giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Mọi cổ đông đều có quyền có được một bản điều lệ Công ty miễn phí. Nếu Công ty có website, điều lệ này phải được đưa lên website đó.

**XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY**

**Điều 63. Tổ chức Đảng**

* Đảng bộ cơ sở Công ty cổ phần Điện Cơ là tổ chức chính trị, có tư cách pháp nhân, lãnh đạo trực tiếp Đoàn thanh niên và Công đoàn Công ty cổ phần.
* Hoạt động của Đảng bộ cơ sở Công ty cổ phần Điện Cơ phải chấp hành đúng những quy định của pháp luật hiện hành, chấp hành đúng điều lệ Đảng và nghị quyết của Đảng. Được Công ty cổ phần tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt.
* Đảng bộ cơ sở Công ty Điện Cơ có trách nhiệm và quyền hạn sau:
* Yêu cầu Hội đồng Quản trị Công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc) và Ban kiểm soát Công ty chấp hành đúng pháp luật hiện hành.
* Phổ biến chủ trương chính sách của Đảng đến từng cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần.
* Bồi dưỡng cán bộ công nhân viên Công ty thành những Đảng viên ưu tú, có khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của Công ty, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

**Điều 64. Công đoàn**

* **C**ông đoàn cơ sở Công ty Điện Cơ là tổ chức chính trị xã hội, có tư cách pháp nhân, là tổ chức đại diện cho người lao động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động.
* Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Điện Cơ do Đại hội đại biểu hoặc toàn thể Đoàn viên công đoàn bầu lên.
* Hoạt động của Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Điện Cơ được hội họp đúng theo pháp luật hiện hành và được Công ty tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn hoạt động.
* Công đoàn cơ sở Công ty cổ phần Điện Cơ có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:
* Tổ chức Đại hội công nhân viên chức trong Công ty cổ phần.
* Đại diện người lao động ký kết thỏa ước lao động tập thể với Công ty
* Kiểm tra giám sát an toàn lao động, vệ sinh lao động và kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động tại Công ty
* Công đoàn cơ sở tham gia xây dựng nội quy lao động, tham gia xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động, tham gia giải quyết những khiếu nại, tố cáo của người lao động và giải quyết tranh chấp lao động.
* Công đoàn cơ sở kết hợp cùng Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty tìm biện pháp để nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động
* Đoàn viên công đoàn làm công tác chuyên trách được hưởng lương theo sự thỏa thuận giữa Đoàn viên Công đoàn và Hội đồng Quản trị Công ty.

**Điều 65. Đoàn thanh niên**

* Đoàn thanh niên Công ty cổ phần Điện Cơ là tổ chức hành chính – xã hội, có tư cách pháp nhân, là tổ chức bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của Thanh niên
* Hoạt động của Đoàn thanh niên trong Công ty phải chấp hành đúng theo luật định, đúng điều lệ của Đoàn và được Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động.
* Trách nhiệm và quyền hạn của Đoàn thanh niên trong Công ty.
* Vận động, giáo dục thanh niên sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật, chấp hành đúng điều lệ Đoàn và nội quy lao động của Công ty cổ phần.
* Khuyến khích giúp đỡ đoàn viên, thanh niên học tập nâng cao tay nghề, nâng cao trình độ văn hóa.
* Đoàn thanh niên được sử dụng quỹ của Đoàn để mua cổ phiếu của Công ty cổ phần.

**XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN**

**Điều 66. Cổ tức**

1. Theo quyết định của Đại hội cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất một cách trung thực sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Đại hội cổ đông, theo đề xuất của Hội đồng Quản trị sẽ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng cách phân chia những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt cho hay liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch hay Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.
7. Theo chấp thuận của các cổ đông tại Đại hội cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phiếu phổ thông được quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần được ghi là đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của cổ phiếu phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
8. Theo Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi nhận việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan

**Điều 67. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và lập quỹ.**

1. Theo các quy định về chế độ tài chính do Nhà nước ban hành đối với các Công ty cổ phần. Lợi nhuận của Công ty gồm:
* Lợi nhuận chung = Tổng thu nhập – Tổng chi phí
* Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận chung – Thuế thu nhập Doanh nghiệp
1. Lợi nhuận ròng vào cuối niên khóa đều thuộc quyền sở hữu của cổ đông và do các cổ đông quyết định phân chia tại Đại hội cổ đông như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mức trích:****(% thu nhập ròng sau thuế)** | **Đối tượng được trích** |
| 5% | * Để lập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty
 |
| 15% đến 45% | * Để lập Quỹ tích lũy tái đầu tư phát triển Công ty
 |
| 5% đến 10% | * Để lập Quỹ khen thưởng – phúc lợi cho người lao động
 |
| Số còn lại là 40% đến 75% | * Là cổ tức được chia cho các cổ đông theo số cổ phần
 |

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội cổ đông quyết định cho từng năm.
2. Tùy thuộc tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, Hội đồng Quản trị có thể ứng trước cổ tức cho các cổ đông theo từng thời hạn 3 tháng hoặc 6 tháng.
3. Hội đồng Quản trị có thể quyết định về mức lương cho những khách hàng có nhiều đóng góp cho Công ty (tối đa không quá 5% lợi nhuận trước thuế). Phần tiền thưởng này được tính vào chi phí hợp lý hàng năm của Công ty.

**XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

**Điều 68. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 69. Năm tài khóa**

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bất đầu từ ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng Mười hai ngay sau ngày cấp giấy đăng ký kinh doanh đó.

**Điều 70. Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty sẽ phải lập sổ sách kế toán bằng Tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán

**XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG**

**Điều 71. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.**

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại điều 51 điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội cổ đông thông qua cho Cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch hay Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Nếu Công ty là một Công ty mẹ thì báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm báo cáo kế toán thường niên của Công ty lẫn bảng cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoáng Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch hay Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo địa phương hoặc tạp chí kinh doanh trong vòng hai số liên tiếp. Nếu Công ty có một trang web trên mạng thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được đưa lên trang web.
5. Bất kỳ cổ đông nào quan tâm sẽ được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo 6 tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

**Điều 72. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**.

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Phòng đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

**XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

**Điều 73. Kiểm toán**

1. Tại Đại hội cổ đông hàng năm, một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết sẽ được chỉ định để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập của Công ty kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng 2 tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Một kiểm toán viên sẽ được phép tham dự mọi Đại hội cổ đông nào và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến mọi Đại hội cổ đông nào và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến mọi Đại hội cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

**XVII. CON DẤU**

**Điều 74. Con Dấu**

1. Hội đồng Quản trị sẽ thông qua một con dấu chính thức của Công ty và Hội đồng Quản trị có thể xác định nội dung của con dấu theo những quy định của luật pháp.
2. Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành sẽ phải giữ gìn con dấu và con dấu sẽ không sử dụng nếu không có sự cho phép của Tổng Giám đốc (Giám đốc) điều hành.

**XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

**Điều 75. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau :
2. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn ;
3. Tòa án Kinh tế thuộc Tòa án Nhân dân của Việt Nam tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành ;
4. Khi các cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua ủy quyền biểu quyết giải thể hoặc chấm dứt hoạt động của Công ty ;
5. Các trường hợp khác do Nhà nước quyết định .
6. Bất kì quyết định nào nhằm giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) đều phải được Đại hội cổ đông thông qua và được Hội đồng Quản trị tuân theo và quyết định này phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

**Điều 76. Sự bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông**

Trừ khi điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để giải quyết yêu cầu giải thể chiểu theo một hay một số các căn cứ sau :

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không đồng nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hành động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

**Điều 77. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập một Đại hội cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm nếu số cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết có mặt trực tiếp tại Đại hội cổ đông hoặc qua ủy quyền bỏ phiếu tán thành việc gia hạn.

**Điều 78. Thanh lý**

1. Ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các Cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau :
4. Các chi phí thanh lý ;
5. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
6. Thuế và các chi phí nhập khẩu có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam;
7. Các khoản vay (nếu có);
8. Các khoản nợ khác của Công ty;
9. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Cổ đông phổ thông sẽ được chia phần sau khi các cổ phiếu ưu đãi được thanh toán.

**XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 79. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
2. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty;
3. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay Cán bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
4. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án Kinh tế.
5. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

**XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**.

**Điều 80. Bổ sung và sửa đổi điều lệ**

Mọi sự bổ sung hay sửa đổi bản điều lệ này phải được lập dưới hình thức một dự thảo để Đại hội cổ đông thông qua với ít nhất 75% quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện. Những điều không được quy định trong điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam, các thông lệ thương mại quốc tế chung và các quy chế của Công ty

**XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 81. Ngày hiệu lực**

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh liên quan sau khi được Đại hội cổ đông thông qua.
2. Điều lệ Công ty cổ phần Điện Cơ được thông qua vào ngày 06 tháng 08 năm 1999, bằng tiếng Việt Nam. Được sửa đổi lần thứ nhất tại Đại hội đồng cổ đông ngày 05 tháng 04 năm 2002 và sửa đổi lần thứ hai tại Đại hội đồng cổ đông ngày 07 tháng 01 năm 2008.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY**

|  |  |
| --- | --- |
| **BAN KIỂM SOÁT**HOÀNG CHÍ KHƯƠNGTrưởng Ban kiểm soát …………………DƯƠNG THỊ THANH MAIThành viên Ban kiểm soát …………………LƯƠNG VÂN TRUNG NGHĨAThành viên Ban Kiểm soát ………………… | **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**Thành viên Ban Kiểm soátChủ tịch HĐQT …………………ĐẶNG MINH ĐẠIPhó Chủ Tịch HĐQT …………………NGUYỄN THANH SƠNThành viên HĐQT ………………… |